

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C L
TỈNH K H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/8/2022

V/v: “Không công nhận vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C L – TỈNH K H**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vi
- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Lê Quý Hùng
2/ Bà Mai Thị Thu Trang
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hà – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện C L
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C L tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Hùng – Kiểm sát viên

Ngày 12/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C L, tỉnh K H xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 27/2022/TLST-HNGĐ ngày 01/3/2022 về “không công nhận vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị L – Sinh năm: 1978; Hộ khẩu thường trú: Thôn Lập Định 1, xã Cam Hòa, huyện C L, tỉnh K H; Chỗ ở: Thôn Phú Bình 2, xã Cam Tân, huyện C L, tỉnh K H. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T – Sinh năm: 1973; Địa chỉ: Thôn Lập Định 1, xã Cam Hòa, huyện C L, tỉnh K H. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/02/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Bà L và ông T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T không có trách nhiệm với vợ con, tính tình gia trưởng, cờ bạc, rượu chè rồi về đánh đập bà L nhiều lần, bà L đã cố gắng vun đắp cho gia đình, đã nhiều lần tha thứ để cho ông T một cơ hội nhưng ông T vẫn chứng nào tật nấy và không thay đổi. Nay bà L không còn tình cảm gì với ông T nên bà Lyêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông T.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà L và ông T có 02 con chung là cháu Huỳnh Thị Như Cúc – sinh năm 2002 và Huỳnh Hữu Đức – sinh ngày 04/11/2007. Cháu Cúc đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu giải quyết. Bà L yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Đức, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/8/2022 và tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Văn T trình bày:

Ông T cũng thống nhất với bà L về quan hệ hôn nhân. Hiện nay ông T cũng không còn tình cảm với bà L nên đồng ý yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa ông và bà Lan. Về con chung, ông T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đức, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Nợ chung và tài sản chung tự thỏa thuận.

Tại phiên tòa, bà L đồng ý giao con chung là cháu Huỳnh Hữu Đức – sinh ngày 04/11/2007 cho ông T nuôi dưỡng, bà L không cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C L, tỉnh K H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận vợ chồng giữa bà L và ông T; về con chung: giao con chung là cháu Huỳnh Hữu Đức – sinh ngày 04/11/2007 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, bà L không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: bà L và ông T không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét; về án phí: bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về ly hôn giữa bà Lê Thị L và ông Huỳnh Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C L theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu ly hôn: Bà Lê Thị L và ông Huỳnh Văn T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống giữa bà L và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai bên không thực sự hiểu, thông cảm và chia sẻ cho nhau. Hiện nay cả hai đều không còn tình cảm với nhau nên thống nhất ly hôn. Tuy nhiên, do bà L và ông T không đăng ký kết hôn nên bà L và ông T thống nhất yêu cầu không công nhận cả hai là vợ chồng để chấm dứt mối quan hệ hôn nhân này.

[3] Xét tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông T không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà L và ông T có 02 con chung là cháu Huỳnh Thị Như Cúc – sinh năm 2002 và Huỳnh Hữu Đức – sinh ngày 04/11/2007. Cháu Cúc đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu giải quyết. Tại phiên tòa, bà L thống nhất giao con chung là cháu Đức cho ông T nuôi dưỡng, bà L không cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự thỏa thuận của các đương sự, phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chia tài sản chung khi ly hôn và nợ chung: Bà L và ông T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, sau này nếu có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị L tự nguyện chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266, Điều 267, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 14, 51, 53, 54, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị L và ông Huỳnh Văn T là vợ chồng.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

Giao con chung là cháu Huỳnh Hữu Đức – sinh ngày 04/11/2007 cho ông Huỳnh Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà Lê Thị L không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản chung khi ly hôn và nợ chung: Không xem xét về phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, nếu sau này các đương sự trong vụ án có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Bà Lê Thị L tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0009002 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C L. Bà L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm.

6. Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh K H;
- VKSND tỉnh K H;
- VKSND huyện C L;
- Chi cục THADS huyện C L;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Vi

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

